

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2018/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 11 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Tờ trình số 459/TTr-STNMT ngày 03/10/2018).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung giá đất vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014, như sau:

1. Đường Điện Biên Phủ (đoạn từ Hùng Vương-Nguyễn Trãi) và đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ Nguyễn Huệ đến Trần Phú) (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng):

STT	Đường, đoạn đường	Giá đất ở (đồng/m ²)			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đường Điện Biên Phủ (đoạn từ đường N4-Nguyễn Trãi)	6.000.000			
-	Đường số 8A (đoạn từ Nguyễn Trãi-đường Điện Biên Phủ)	5.000.000			
-	Các đường nội bộ rộng 5m	2.000.000			

2. Khu dân cư phía Đông đường Hùng Vương (từ đường An Dương Vương đến đường Trần Nhân Tông) tại Phường 9 và xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng):

STT	Đường, đoạn đường	Giá đất ở (đồng/m ²)
-----	-------------------	----------------------------------

		VT1	VT2	VT3	VT4
1	Đường Nguyễn Văn Huyền tại phường 9 và xã Bình Kiến (rộng 16m):				
-	Đoạn từ đường An Dương Vương đến ranh giới Phường 9 và xã Bình Kiến	3.000.000			
-	Đoạn thuộc địa bàn xã Bình Kiến	2.500.000			
2	Đường Lý Nam Đế (rộng 25m): Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Huyền	2.500.000			
3	Đường Lê Đài (rộng 16m): Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Huyền	2.500.000			
4	Đường Lương Định Của (rộng 16m): Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Huyền	2.000.000			
5	Đường Trần Nhân Tông (rộng 25m): Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến đường Nguyễn Văn Huyền	2.500.000			
6	Đường quy hoạch N rộng 12m	1.500.000			

3. Khu tái định cư phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2, Phường 9 và xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng):

STT	Đường, đoạn đường	Giá đất ở (đồng/m ²)			
		VT1	VT2	VT3	VT4
-	Đường N2 rộng 42m (đoạn từ đường An Dương Vương đến đường Trần Nhân Tông)	4.000.000			
-	Đường An Dương Vương (đoạn từ đường số 01 đến đường N4)	3.300.000			
-	Đường Lý Nam Đế (Đoạn từ đường số 1 đến đường N4)	2.500.000			
-	Đường Trần Nhân Tông (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường N2)	2.500.000			
-	Đường Lê Đài (đoạn từ đường số 1 đến đường N4)	2.500.000			
-	Đường Lương Định Của (đoạn từ đường số 1 đến đường N2)	2.000.000			
-	Đường Hà Huy Tập (đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến đường D2)	3.200.000			
-	Đường số 01, đường D2, đường D4,	2.000.000			

	đường N3, đường N4 và các đường quy hoạch rộng 16m				
-	Đường D5 và các đường quy hoạch rộng 12m	1.700.000			
-	Các đường quy hoạch rộng 10m	1.500.000			

4. Khu tái định cư dự án đường Điện Biên Phủ giai đoạn 2, 3 tại Phường 9, thành phố Tuy Hòa (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng):

STT	Đường, đoạn đường	Giá đất ở (đồng/m ²)			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đường Lê Đài (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường số 1)	2.500.000			
-	Đường số 01 và các đường quy hoạch rộng 16m	2.000.000			

5. Khu tái định cư các tuyến đường ngang dự mở tại Phường 9, thành phố Tuy Hòa (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng):

STT	Đường, đoạn đường	Giá đất ở (đồng/m ²)			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đường Lý Nam Đế rộng 25m (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường số 1)	2.500.000			
-	Đường Hà Huy Tập (đoạn từ đường số D2 đến đường Lê Đài)	3.200.000			
-	Đường Lê Đài (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường số 1)	2.500.000			
-	Đường Lương Định Của (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường số 1)	2.000.000			
-	Đường Nơ Trang Long rộng 13,5m (đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường số 1)	1.800.000			
-	Đường số 01, đường D2 và các đường quy hoạch rộng 16m	2.000.000			

6. Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 01 và số 3), khu đất số 01 tại phường Phú Đông, Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng):

STT	Đường, đoạn đường	Giá đất ở (đồng/m ²)			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Đường Phan Chu Trinh rộng 42m	3.000.000			
-	Các đường quy hoạch rộng 25m	2.000.000			

-	Các đường quy hoạch rộng 20m	1.800.00 0			
-	Các đường quy hoạch rộng 16m	1.500.00 0			

7. Khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn phục vụ dự án đường Bạch Đằng giai đoạn 2 (khu đất số 01 và số 3), khu đất số 03 tại phường Phú Đông, Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng):

STT	Đường, đoạn đường	Giá đất ở (đồng/m ²)			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
-	Tuyến đường Hùng Vương nối dài rộng 42m	3.000.00 0			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 20m	1.800.00 0			
-	Tuyến đường quy hoạch rộng 12.5m	1.000.00 0			

8. Đường Phan Chu Trinh (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến hết khu dự án Nhà ở xã hội Nam Hùng Vương):

STT	Đường, đoạn đường	Giá đất ở (đồng/m ²)			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
1	Tuyến đường Phan Chu Trinh rộng 42m: Đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến hết khu dự án Nhà ở Xã hội Nam Hùng Vương (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng)	3.000.00 0			

9. Khép kín khu dân cư tại khu phố 4, phường Phú Thạnh, thành phố Tuy Hòa (sau khi được đầu tư xây dựng hạ tầng):

STT	Đường, đoạn đường	Giá đất ở (đồng/m ²)			
		VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
	Tuyến đường quy hoạch rộng 25 m	2.000.000			
	Tuyến đường quy hoạch rộng 12m	1.000.000			

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Tuy Hòa; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 10 năm 2018./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiến